

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 06/12/2019; Có mặt.

*** *Người bào chữa cho bị cáo:***

Luật sư Lục Thị Th (Văn phòng luật sư Th), là luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- Bị hại có kháng cáo:

1. Ông Nguyễn Xuân N, sinh năm 1957; trú tại: Tổ dân phố H, phường C, thành phố C1, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

2. Bà Huỳnh Thị Ngọc T, sinh năm 1976; trú tại: Tổ 2, thôn P, xã V, thành phố N1, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị Thúy V, sinh năm 1969; trú tại: Tổ dân phố H, phường C, thành phố C1, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- Người làm chứng

Bà Nguyễn Thị Thùy Q1; trú tại: Tổ dân phố H, phường C, thành phố C1, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo; không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2018 đến 22/01/2019, Nguyễn Ngọc A nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác để lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân nên đã làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô để mang đi thế chấp cho người khác, cụ thể như sau:

Khoảng tháng 8/2018, Nguyễn Ngọc A thuê xe ô tô hiệu Hyundai Acent biển kiểm soát 79A-201.19 của chị Nguyễn Thị Bích Nhụy H1 ở B, xã C2, huyện C3 để kinh doanh với thời hạn thuê xe là một năm. Sau khi sử dụng xe được một thời gian, do cần tiền để trả nợ nên Nguyễn Ngọc A nảy sinh việc làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 79A-20119 để mang đi thế chấp lấy tiền trả nợ. Với ý định như trên, Nguyễn Ngọc A lên mạng internet tìm nơi làm giả giấy tờ thì thấy thông tin một đối tượng tên là Lưu Chí K, số điện thoại 0907973796 nhận làm giả giấy tờ. A liên hệ với K và đưa thông tin xe ô tô 79A-201.19 cho K để K làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 79A-201.19 đứng tên Nguyễn Ngọc A. Đồng thời A còn nói K làm giả 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CM496138 (thửa đất số 399, tờ bản đồ số 10, địa chỉ Thôn Q3, xã C4, thành phố C1, tỉnh Khánh Hòa); 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở

hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BH489043 (thửa đất số 114, tờ bản đồ số 22, địa chỉ B, xã C5, huyện C3, tỉnh Khánh Hòa) đứng tên Nguyễn Ngọc A để A sử dụng.

Sau khi nhận được các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả trên tờ K, Nguyễn Ngọc A mang đi thế chấp cho anh Nguyễn Thái V ở Tổ dân phố H2, phường C, thành phố C1 lấy tổng số tiền 1.050.000.000đ, cụ thể:

- + Thế chấp xe ô tô 79A-201.19 cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả đứng tên Nguyễn Ngọc A lấy số tiền 400 triệu đồng.

- + Thế chấp 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CM496138 lấy 250 triệu.

- + Thế chấp 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số BH489043 lấy 400 triệu. Sau khi lấy khoản tiền, này thì A đã trả lại cho V 100 triệu.

Tiếp đó, Nguyễn Ngọc A sử dụng 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CM496138 còn lại mang đi thế chấp cho anh Nguyễn Hồng V1 ở Tổ dân phố Đông Môn 3, thị trấn Diên Khánh, huyện Diên Khánh lấy số tiền 200 triệu đồng. Ngoài ra A còn mượn thêm của V1 số tiền 98.500.000đ (không có giấy tờ vay mượn).

Cũng trong khoảng thời gian này, Nguyễn Ngọc A thuê xe ô tô hiệu Kia Rondo biển kiểm soát 79A-117.31 của chị Huỳnh Thị Ngọc T ở Tổ 2, thôn P, xã V, thành phố N1 để kinh doanh. Khi cho thuê xe giữa chị T và Nguyễn Ngọc A có làm hợp đồng. Sau khi sử dụng xe một thời gian, A tiếp tục đưa thông tin của xe trên để nhờ K làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 79A-117.31 đứng tên của Nguyễn Ngọc A rồi A mang xe ô tô 79A-117.31 và Giấy chứng nhận xe ô tô giả đứng tên của A thế chấp cho ông Nguyễn Xuân N ở Tổ dân phố H, phường C, thành phố C1 lấy số tiền 250 triệu đồng.

Ngày 09/5/2018, Nguyễn Ngọc A dùng tài sản của mình là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM496138 thuộc thửa đất số 399, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại thôn Q3, xã C6, thành phố C1-được ủy ban nhân dân thành phố C1, cấp ngày 20/4/2018, số vào sổ CH041-78- do Nguyễn Ngọc A đứng tên chủ sở hữu thế chấp vay của bà Huỳnh Thị Ngọc T số tiền 250 triệu đồng, cả hai thống nhất làm Văn bản cam kết và thỏa thuận như sau: “Anh vay của bà T số tiền 250 triệu đồng, để đảm bảo cho khoản vay trên thì Nguyễn Ngọc A làm: hợp đồng chuyển nhượng tài sản trên cho bà T với giá là 30 triệu đồng để làm tin, thời hạn là 01 năm kể từ ngày ký văn bản cam kết và thỏa thuận cũng như hợp đồng chuyển nhượng được ký kết và công chứng tại Văn phòng công chứng HL, thành phố N1. Khi làm thủ tục công chứng vay tiền và chuyển nhượng tài sản thì có vợ của Nguyễn Ngọc A là Nguyễn Thị Thùy Q1 cùng ký tên xác nhận dù tài sản trên chỉ một mình Nguyễn Ngọc A đứng tên chủ sở hữu. Sau khi công chứng xong thì A giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho bà T, đồng thời T giao tiền cho A.

Đến khoảng tháng 8/2018, bà T liên hệ với Nguyễn Ngọc A đề nghị A làm thủ tục gia hạn thời hạn sử dụng của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên vì đây là đất nông nghiệp, hết hạn phải làm thủ tục gia hạn. A đồng ý nên ngày 14/8/2018 cùng với bà T cầm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên đến bộ phận 01 cửa của Ủy ban nhân dân thành phố C1 để làm thủ tục gia hạn thời hạn sử dụng đất, thời hạn giải quyết chậm nhất đến ngày 23/8/2018. Sau khi đã nộp hồ sơ bà T giữ giấy hẹn. Tuy nhiên đến thời hạn thì vẫn chưa lấy được Giấy chứng nhận. Đến khoảng tháng 11/2018 (thời điểm này A đang nợ nần cá nhân, không có khả năng trả nợ), A nhớ đến Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp cho bà T hiện đang làm thủ tục gia hạn tại Ủy ban nhân dân thành phố C1 nên A nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản bằng cách sử dụng Giấy chứng minh nhân dân của mình liên hệ với bộ phận một cửa để lấy lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên. Sau khi lấy được Giấy chứng nhận, A đi cùng với bà Võ Thị Phương U (ở Tổ dân phố H, phường C, thành phố C1) đến Văn phòng Công chứng TA, thành phố C1 làm hợp đồng chuyển nhượng cho bà U với giá 820 triệu đồng. Sau đó nhằm che giấu hành vi trên của mình, Nguyễn Ngọc A đã nhờ Lưu Chí K làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thông tin như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp cho bà T rồi đưa lại cho bà T, đồng thời vay thêm số tiền 80 triệu đồng vào ngày 21/01/2019 (Hợp đồng vay tiền ký tại Văn phòng Công chứng HL, thành phố N1). Toàn bộ số tiền trên, Ngọc A đều sử dụng vào việc tiêu xài cá nhân và trả nợ.

Đến khoảng tháng 4/2019, bà T nghe thông tin Nguyễn Ngọc A sử dụng xe ô tô mà A thuê của bà T đi thế chấp cho người khác lấy tiền tiêu xài. Nghi ngờ, bà T đã mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên đến Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C1 để hỏi thì được biết là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. Bà T mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này đến nhà của Nguyễn Ngọc A để liên hệ giải quyết nhưng không gặp Ngọc A mà chỉ gặp gia đình của A. Sau khi làm việc với gia đình của Ngọc A thì bà Lê Thị Thúy V là dì ruột của Nguyễn Ngọc A chấp nhận dùng tài sản của mình là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP981538, thửa, đất số 125, tờ bản đồ 70 tọa lạc tại Tổ dân phố H, phường C, thành phố C1 đứng tên Lê Thị Thúy V giao - cho bà T để làm tin cho khoản nợ của Nguyễn Ngọc A, đồng thời bà T giao lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho bà V giữ. Việc thỏa thuận trên được chị Nguyễn Thị Thùy Q1 (vợ của A) viết giấy và ký làm chứng, bà V và T ký xác nhận.

Cuối năm 2018 Nguyễn Ngọc A thuê 01 xe ô tô hiệu Acent, biển kiểm soát 79A-089.99 của anh Trần Khắc D ở Tổ dân phố NL, phường C6, thành phố C1, để sử dụng. Khi cho thuê xe thì D giao bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe trên cho Nguyễn Ngọc A. Sau đó A mang xe và giấy tờ xe này thế chấp cho anh Lê Vũ Nhật Nam ở Tổ dân phố Phú Thịnh, phường Cam Phú, thành phố C1 lấy số tiền 250 triệu đồng.

Ngày 04/9/2019 và ngày 18/9/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa có Quyết định Trưng cầu giám định số 1154/PC01 và

1196/PC01 trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Khánh Hòa tiến hành giám định tài liệu, hình dấu tròn và chữ ký trên các tài liệu Nguyễn Ngọc A làm giả gồm:

- + 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM496138 (thửa đất số 399, tờ bản đồ số 10, địa chỉ Thôn Q3, xã C4, thành phố C1) đứng tên Nguyễn Ngọc A

- + 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH489043 (thửa đất. số 114, tờ bản đồ số 22, địa chỉ B, xã C5, huyện C3) đứng tên Nguyễn Ngọc A

- + Giấy chứng nhận đăng ký xe Ô tô 79A417.31 đứng tên Nguyễn Ngọc A.

- + Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 79A-201.19 đứng tên Nguyễn Ngọc A.

Ngày 19/9/2019, ngày 17/10/2019, ngày 20/02/2020, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Khánh Hòa có kết luận giám định số 481/GĐTP/2019; số 521/GĐTP/2019, số 101/GĐTP/2020 kết luận:

- + 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 02 Giấy đăng ký xe ô tô (tài liệu cần giám định) so với bản gốc mà Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa thu thập không phải được in ra từ một phương pháp in. Các tài liệu cần giám định trên được tạo ra bằng phương pháp in màu.

- + Các hình dấu tròn màu đỏ trên các tài liệu cần giám định so với các hình dấu tròn màu đỏ tương ứng mà Cơ quan Cảnh sát điều tra thu thập không phải do cùng một con dấu đóng ra. Các hình dấu tròn trên tài liệu cần giám định không phải được đóng trực tiếp mà được tạo ra bằng phương pháp in màu.

- + Các chữ ký trên các tài liệu cần giám định so với các mẫu chữ ký tương ứng mà Cơ quan Cảnh sát điều tra thu thập không phải do cùng một người ký ra.

Xác minh tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C1 và huyện C3 xác định:

- + Đối với thửa đất số 399, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: 'Thôn Q3, xã C4, thành phố C1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM496138. Đây là tài sản đứng tên của Nguyễn Ngọc A, tuy nhiên A đã chuyển nhượng cho bà Võ Thị Phụng U vào ngày 19/11/2018. Sau đó bà U đã chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Anh T1. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C1 đã cung cấp toàn bộ tài liệu, hồ sơ có liên quan cho Cơ quan Cảnh sát điều tra để phục vụ công tác điều tra làm rõ hành vi vi phạm của Nguyễn Ngọc A. .

- + Đối với thửa đất số 114, tờ bản đồ số 22, địa chỉ B, xã C5, huyện C3 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH4S9043 đứng tên Nguyễn Ngọc A. Đây là tài sản của bàTrần Thị Lài từ trước đến nay Nguyễn Ngọc A không đứng tên sở hữu tài sản này.

Xác minh tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Khánh Hòa xác định xe ô tô hiệu Hyundai Acent, biển kiểm soát 79A-201.19 là tài sản của chị Nguyễn Thị Bích Nhụy H1; xe ô tô hiệu Kia Rondo biển kiểm soát 79A-117.31 là tài sản của chị Huỳnh Thị Ngọc T.

Với các nội dung trên,

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 02/2021/HS-ST ngày 06/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 3 Điều 175; điểm a, b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc A phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng, con dấu hoặc tài liệu giả của Cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt bị cáo NGUYỄN NGỌC A 12 (mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 5 (năm) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, 3 (ba) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, tổng hợp hình phạt chung của các tội là 20 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 06/12/2019.

Ngoài ra bản án còn quyết định về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Trong thời hạn luật định,

Ngày 18/01/2021, bị hại Nguyễn Xuân N đề nghị xem xét lại việc thực hiện nghĩa vụ bồi thường.

Ngày 21/01/2021, bị hại Huỳnh Thị Ngọc T đề nghị hủy bản án hình sự sơ thẩm để điều tra bổ sung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của các bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của các bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Từ tháng 4 năm 2018 đến tháng 01/2019, Nguyễn Ngọc A đã đặt làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô để mang đi thế chấp cho nhiều người, nhằm chiếm đoạt tài sản như sau: Cầm cố ô tô cho anh Nguyễn Thái V chiếm đoạt 400 triệu đồng và thế chấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chiếm đoạt 650 triệu đồng; Cầm cố ô tô cho anh Nguyễn Xuân N chiếm đoạt 250 triệu đồng; Thế chấp 01 Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Hồng V1 chiếm đoạt 200 triệu đồng; Thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Huỳnh Thị Ngọc T chiếm đoạt 80 triệu đồng và hành vi sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật để vay của chị Huỳnh Thị Ngọc T 250 triệu đồng.

Toà án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Ngọc A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự; về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự; “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của Bị hại ông Nguyễn Xuân N và bà Huỳnh Thị Ngọc T, Thấy:

Xét kháng cáo của bị hại ông Nguyễn Xuân N: Bị hại Nguyễn Xuân N kháng cáo cho rằng ông đã già, đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét để buộc bị cáo trả tiền lại cho ông. Xét, Toà án cấp sơ thẩm đã quyết định buộc bị cáo Nguyễn Ngọc A bồi thường cho ông Nguyễn Xuân N số tiền 250 triệu đồng là đã đảm bảo quyền lợi cho ông. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông liên hệ với cơ quan Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa để đề nghị thi hành án. Kháng cáo nội dung này không thuộc thẩm quyền của HĐXX cấp phúc thẩm.

Xét kháng cáo của bị hại Huỳnh Thị Ngọc T: Đề nghị huỷ án sơ thẩm để xem xét lại có bỏ lọt tội phạm và người phạm tội là Nguyễn Thị Thuý Q1 (vợ bị cáo A) và bà Lê Thị Thuý V (dì của A) phạm tội “Che giấu tội phạm”.

Xét thấy, bà Q1 có ký vào Giấy thoả thuận cam kết vay tiền và Hợp đồng chuyển nhượng tài sản giữa bị cáo A và bà T. Tuy nhiên, tại Biên bản lời khai không xác định được bà Nguyễn Thị Thuý Q1 biết được bị cáo A có thủ đoạn gian dối để vay tiền và mục đích sử dụng tiền của bị cáo. Việc bà Q1 ký vào các loại giấy tờ trên, theo quy định pháp luật thì việc vay mượn phải có sự đồng ý của vợ chồng nên bà Q1 phải ký. Do vậy, không có cơ sở xem xét bà Nguyễn Thị Thuý Q1 với vai trò đồng phạm.

Đối với bà Lê Thị Thuý V là người sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mình đưa cho Huỳnh Thị Ngọc T để đảm bảo thay thế và T đưa lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. Bà V không biết bị cáo A làm giả giấy tờ cũng như việc bị cáo A vay tiền như thế nào. Mục đích của bà V dùng chính tài sản của mình là giúp đỡ cho bị cáo A, là cháu của mình. Nên không có căn cứ quy kết bà V cấu thành tội “Che giấu tội phạm”. Do vậy, HĐXX cấp phúc thẩm xét không chấp nhận kháng cáo của bị hại Huỳnh Thị Ngọc T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ nào mới, khác so với bản án sơ thẩm để HĐXX xem xét.

[3]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Ngọc A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Người bị hại Nguyễn Xuân N, Huỳnh Thị Ngọc T không phải chịu án phí.

[4]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Người bị hại Nguyễn Xuân N, Huỳnh Thị Ngọc T. Đề nghị này phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5]. Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 của Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của Người bị hại ông Nguyễn Xuân N, bà Huỳnh Thị Ngọc T, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2021/HS-ST ngày 06/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 3 Điều 175; điểm a, b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự

Áp dụng Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

1. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc A 12 (mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 05 (năm) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; 03 (ba) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Ngọc A phải chấp hành hình phạt chung cho cả ba tội là 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 06/12/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự,

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc A có nghĩa vụ phải bồi thường cho những người bị hại số tiền, cụ thể như sau:

- Bồi thường cho ông Nguyễn Thái V: 950.000.000 đồng.
- Bồi thường cho ông Nguyễn Xuân N: 250.000.000 đồng.
- Bồi thường cho bà Huỳnh Thị Ngọc T: 330.000.000 đồng.
- Bồi thường cho ông Nguyễn Hồng V1: 200.000.000 đồng.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Ngọc A không phải chịu.

Người bị hại ông Nguyễn Xuân N, bà Huỳnh Thị Ngọc T không phải chịu án phí phúc thẩm.

4. Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Khánh Hoà;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Khánh Hoà;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hoà;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hoà;
- Trại tạm giam CA tỉnh Khánh Hoà;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Long